

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ - PT

Ngày: 27-4-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Dương Viết Hải, Ông Trần Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến – Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLPT- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa bị kháng cáo và Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2021/HNGĐ –GĐT ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án phúc thẩm số 14/2020/HNGĐ-PT ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để xét xử phúc thẩm lại.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 409/2022/QĐ-PT ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Đ, địa chỉ: Tiểu khu t, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Duy Quý Tr, địa chỉ: Tiểu khu t, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đinh Duy T, địa chỉ: Tiểu khu t, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Ngân hàng N, địa chỉ: Tiểu khu b, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Ngân hàng C, địa chỉ: Tiểu khu m, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện M, Quảng Bình, người đại diện ông Đinh Thanh Tâm – cán bộ địa chính thị trấn Quy Đạt, xin vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Đinh Duy Quý Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Đ và anh Đinh Duy Quý Tr đã đăng ký kết hôn năm 1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Chung sống được một thời gian thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau gây mất đoàn kết gia đình. Vợ chồng chị đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị Cao Thị Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Duy Quý Tr. Anh Tr nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Đ và anh Tr có 02 người con chung là cháu Đinh Duy Lê, sinh ngày 05/9/1994 và cháu Đinh Duy Linh sinh ngày 14/3/1996. Hai cháu đều đã lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đ và anh Tr thừa nhận vợ chồng có những tài sản sau:

- 01 nhà gỗ chính, nhà bếp, 01 dàn mát được làm trên thửa đất số 126, tờ bản đồ số 24 tại tiểu khu 8, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, có diện tích 727m², đất đã được cấp giấy CNQSDĐ; Trên thửa đất trên còn có 04 cây lộc vùng, 2 cây cau, 1 cây vú sữa, 40 bụi chuối, 2 cây sanh, 1 cây mít.

- 1 nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 467, tờ bản đồ số 19 tại tiểu khu 8, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Theo chị Đ, thửa đất này mua từ bố anh Tr (ông Đinh Duy T) từ năm 1993; Theo anh Tr thì thửa đất 467 vợ chồng mượn của bố anh Tr.

- 7000 cây tràm 02 năm tuổi tại tiểu khu 9, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình có giá trị khoảng 16.000.000 đồng;

- Tiền đóng bảo hiểm Prudential có kỳ hạn 05 năm nhưng đến hiện tại mới đóng được 02 năm nên phía bảo hiểm chưa cho rút tiền về và khoản tiền bảo hiểm nhân thọ đã rút về hai năm nhưng chị đã chi tiêu phục vụ cho gia đình.

- Một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, anh Tr chị Đ yêu cầu chia đôi.

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm: Thửa đất 126, tờ bản đồ số 24, diện tích 727m², có giá trị: 917.000.000 đồng; Tài sản trên thửa 126 gồm nhà chính, nhà bếp, dàn mát được định giá: 24.377.000 đồng; Cây trên đất: 6.444.000 đồng; Thửa đất 467, tờ bản đồ số 19, diện tích 116m², có giá trị 874.000.000 đồng; Tài sản trên thửa đất 467 có một ngôi nhà cấp bốn, trị giá 155.974.000 đồng.

- Về nợ chung: Chị Đ và anh Tr thừa nhận số nợ chung và yêu cầu chia đôi các khoản nợ chung gồm nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 40.000.000 Đg; nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- + Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thống nhất về các khoản nợ vay mà anh Tr, chị

Đ trình bày. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Đ, anh Tr phải trả khoản vay này theo hợp Đg vay mà các bên đã ký kết.

+ Ông Đinh Duy T trình bày: Thừa đất số 467, tờ bản đồ 19 tại Tiểu khu 8, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa có nguồn gốc do ông khai hoang, sau này cho anh Tr chị Đ mượn để làm ăn. Nếu anh chị ly hôn thì ông có nguyện vọng lấy lại thửa đất nói trên.

+ Đại diện UBND thị trấn Quy Đạt trình bày: Theo sổ mục kê địa chính thì thửa đất 467, tờ bản đồ 19 thị trấn Quy Đạt đứng tên anh Đinh Duy Quý Tr, hiện trạng trên thửa đất có ngôi nhà cấp bốn xây dựng không vi phạm quy hoạch của đô thị. Thửa đất này anh Tr, chị Đ ở từ năm 1993 đến nay không có tranh chấp và anh chị thực hiện nghĩa vụ thuế hàng năm.

Tại bản án sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 33, 37, 38, 51, 53, 60 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Đ và anh Đinh Duy Quý Tr.

- Về tài sản chung và khoản vay chung:

Giao cho chị Đ được quyền sử dụng thửa đất số 126 tờ bản đồ số 24 tại Tiểu khu 8, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có trị giá 917.000.000 đồng; Tờ bản đồ thửa đất 126 tờ bản đồ 24 như sau:

Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 45.89 mét, cạnh Phía Tây giáp thửa đất 124 dài 10,66 mét và giáp thửa đất 163 dài 12,91 mét, cạnh phía Đông giáp thửa đất 162 dài 6,40 mét và giáp thửa đất 162 dài 13,82 mét, cạnh phía Nam giáp thửa đất 153 dài 11,59 mét và giáp thửa đất 162 dài 16,84 mét; 01 ngôi nhà chính làm bằng gỗ, lợp ngói, tường thưng ván, nền làm bằng xi măng; 01 ngôi nhà bếp, mái lợp phibêximăng, thưng ván, nền xi măng; 01 mái che, thưng gỗ, mái T, 04 cây lộc vùng, 02 cây cau, 01 cây vú sữa, 01 cây mít, 02 cây sanh. Tổng giá trị các tài sản nói trên tại thời điểm định giá là: 944.821.000 đồng;

Chị Đ có trách nhiệm trả cả gốc và lãi phát sinh khoản tiền vay 100.000.000 Đg tại Ngân hàng và phát triển nông huyện Minh Hóa, chi nhánh Bắc Quảng Bình tại Hợp Đg tín dụng số: TAV2017/447/HĐTD ngày 20/7/2017. Sau khi trừ đi nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng chị Đ được phân chia tài sản có giá trị là 844.821.000 đồng

Giao anh Tr được sử dụng và sở hữu các tài sản sau: 01 ngôi nhà cấp 4, mái lợp bằng T, tường xây, nền xi măng xây dựng trên thửa đất số: 467, tờ bản đồ số 19; 01 thửa đất 467, tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính thị trấn đứng tên anh Đinh Quý Tr, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại tiểu khu 8, TT Quy Đạt, huyện Minh Hóa. Tờ bản đồ thửa đất 467 tờ bản đồ 19 như sau: Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 468 dài 20,60 mét, cạnh phía Tây giáp đường quốc lộ 12A dài

5,38 mét, cạnh phía Đông giáp thửa đất 466 dài 6, 28 mét, cạnh phía Nam giáp thửa đất 480 và thửa đất 473 dài 20,28 mét. Tổng trị giá các tài sản trên là 1.029.000.000đ.

Anh Tr có trách nhiệm trả cả gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 40.000.000 đồng tại món vay: 6600000706691911 ngày 10/3/2016. Sau khi trừ đi nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng anh Tr được phân chia tài sản tổng giá trị là 989.000.000 đồng.

Buộc anh Tr phải có nghĩa vụ trả số tiền chênh lệch cho chị Đ là 72.089.000 Đg.

Tổng giá trị tài sản chị Đ được hưởng là 916.910.000 đồng và anh Tr được hưởng giá trị tài sản là 916.910.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/5/2020, anh Đinh Duy Quý Tr và ông Đinh Duy T kháng cáo Bản án sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình với nội dung: Anh Tr yêu cầu xem xét lại giá tài sản đã định, chia lại tài sản chung của vợ chồng cho phù hợp và trả lại 116m² đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa cho ông Đinh Duy T; ông Đinh Duy T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc anh Tr, chị Đ trả lại 116m² đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 19 cho ông.

Tại bản án phúc thẩm số 14/2020/HNGĐ-PT ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59, điểm đ khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Duy T và một phần kháng cáo của anh Đinh Duy Quý Tr đối với 116m² đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa là đất của ông Đinh Duy T. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đinh Duy Quý Tr để sửa Bản án sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình về phần chia tài sản chung và nợ chung.

- Chị Cao Thị Đ được quyền sử dụng 490,6m² đất (100m² đất ở giá 61.500.000 đồng, 390,6m² đất trồng cây lâu năm giá 7.812.000 đồng) tại thửa số 126 tờ bản đồ số 24 tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa giá 69.312.000 đồng, diện tích thửa đất như sau (có sơ đồ kèm theo): Phía Tây giáp thửa đất số 124 và 163 từ điểm 1 đến điểm 10 và điểm 9 dài 23,57m, phía Nam giáp thửa đất số 125 từ điểm 9 đến điểm 8 và điểm 7 dài 17,8m, phía Đông giáp thửa đất chia cho anh Tr từ điểm 2 đến điểm 7 dài 20,67m, phía Bắc giáp đường giao thông từ điểm 1 đến điểm 2 dài 23,91m; 01 nhà gỗ, lợp ngói 3 gian giá 11.210.000 đồng; 01 nhà gỗ 2 gian lợp Prôximăng giá 2.219.000 đồng; 7000 cây keo giá 16.000.000 đồng. Chị Đ được chia giá trị tài sản là 98.741.000 đồng (chín mươi tám triệu bảy trăm

bốn mươi một nghìn đồng) và nhận từ anh Tr 121.868.625 đồng (Một trăm hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Đinh Duy Quý Tr được quyền sử dụng: 236,4m² đất (100m² đất ở giá 61.500.000 đồng, 136,4m² đất trồng cây lâu năm giá 2.728.000 đồng) tại thửa số 126 tờ bản đồ số 24 tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa giá 64.228.000 đồng, diện tích thửa đất như sau: Phía Tây giáp thửa đất chia cho chị Đ từ điểm 2 đến điểm 7 dài 20,67m, phía Nam giáp thửa đất số 125 từ điểm 4 đến điểm 5, điểm 6 và điểm 7 dài 30,85m, phía Đông giáp thửa đất 125 từ điểm 3 đến điểm 4 dài 5,45m, phía Bắc giáp đường giao thông từ điểm 2 đến điểm 3 dài 22,07m; 01 dàn mát bằng gỗ 3 gian lợp T giá 7.948.000 đồng, 116m² đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa chưa được cấp GCSQSDĐ giá 255.200.000 đồng và 01 nhà mái T xây dựng trên thửa đất số 467, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn Quy Đạt giá 155.974.000 đồng. Anh Tr được chia giá trị tài sản có giá trị là 483.350.000 đồng nhưng anh Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Minh Hóa 40.000.000 đồng nợ gốc và 96.000 đồng tiền lãi; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Minh Hóa 100.000.000 đồng nợ gốc và 775.749 đồng tiền lãi và trả cho chị Đ 121.868.625 đồng (Một trăm hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền chênh lệch tài sản.

Bản án phúc thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Ngày 07/9/2020, chị Cao Thị Đ có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Ngày 22/10/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2021/KN-HNGĐ ngày 22/10/2021 đề nghị xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 09/2021/HNGĐ-GĐT ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và khoản 1 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2021/KN-HNGĐ ngày 22/10/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Hủy Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 14/2020/HNGĐ-PT ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/4/2022, bị đơn anh Tr đề nghị Tòa án xem xét chia hai chiếc xe máy cấp sơ thẩm chưa giải quyết (một chiếc xe Dream và một chiếc xe Lead chị Đ mua trong thời kỳ hôn nhân), xem xét chia đôi số tiền chị Đ đã nộp bảo hiểm tại Công ty Bảo Việt Nhân Thọ và Công ty bảo hiểm Prudential, đồng thời giải quyết trả lại thửa đất 467, tờ bản đồ 19 cho ông Đinh Duy T; Ông T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chị Đ anh Tr trả lại thửa đất số 476, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa; Chị Đ trình bày: Chiếc xe Lead là tiền của chị mua, trả góp, không liên quan đến tài sản vợ chồng; Số tiền

nộp tại Công ty Bảo Việt Nhân Thọ như chị đã trình bày là đã rút để chi tiêu trong việc cho con đi Hàn Quốc; Về khoản tiền tại Công ty Prudential có 5 hợp đồng, trong đó có bốn hợp đồng người thụ hưởng là chị và anh Tr do không tiếp tục đóng tiền nên đã chấm dứt hiệu lực, chỉ còn một hợp đồng người thụ hưởng mang tên con là Đình Duy L đang tiếp tục. Hiện tại anh Tr đang giữ các hợp đồng. Anh Tr muốn sau này được hưởng thì tiếp tục nộp tiền để khôi phục lại hợp đồng. Anh Tr thừa nhận các hợp đồng hiện tại anh đang giữ và anh sẽ tiếp tục đóng tiền, không yêu cầu xem xét khoản tiền tại Công ty bảo hiểm Prudential.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không giải quyết hai chiếc xe máy theo kháng cáo của anh Tr vì tại cấp sơ thẩm anh chị không có yêu cầu giải quyết, anh chị có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác; Về khoản tiền tại Công ty Bảo Việt Nhân Thọ qua kết quả xác minh đúng như chị Đ đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đã rút và chấm dứt hợp đồng; Khoản tiền tại công ty Bảo hiểm Prudential tại phiên tòa anh Tr không yêu cầu xem xét nên không giải quyết; Về thửa đất 476, tờ bản đồ 19 án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Tr và ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của anh Đình Duy Quý Tr yêu cầu xem xét lại giá tài sản đã định, chia lại tài sản chung của vợ chồng cho phù hợp, xét yêu cầu của anh Tr và ông Đình Duy T đề nghị trả lại 116m² đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa cho ông Đình Duy T, Hội đồng xét xử thấy: Thửa đất 467 tờ bản đồ số 19 theo chị Đ kê khai là tài sản chung của chị và anh Tr do vợ chồng mua của bố anh Tr từ năm 1993. Theo trích sao bản đồ địa chính thị trấn Quy Đạt thì tên chủ sử dụng là Đình Duy Quý Tr. Ông T cho rằng thửa đất 467, tờ bản đồ số 19 là của ông cho chị Đ, anh Tr mượn nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Ngày 29/4/2020, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa tiến hành xác minh tại UBND thị trấn Quy Đạt anh Tr và chị Đ ở trên thửa đất trên từ năm 1993 đến nay không có ai tranh chấp, tại sổ mục kê thửa đất trên có tên của anh Tr. Anh Tr và chị Đ đã nộp thuế nhà đất. Quá trình hai vợ chồng làm nhà và nộp thuế ông T không có ý kiến gì. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất trên là của anh Tr và chị Đ là có căn cứ. Quá trình định giá ở cấp sơ thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó không có căn cứ

chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Tr và ông T về thửa đất 467, tờ bản đồ 19 thị trấn Quy Đạt.

[2.2]. Đối với số tiền tại Công ty Bảo Việt Nhân Thọ: Ngày 08/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có công văn số 455/CV/TDS gửi Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Quảng Bình để xác minh khoản tiền bảo hiểm. Ngày 14/3/2022, Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Quảng Bình đã có công văn trả lời số 113/NQB-DVKH 2022: *“Thời điểm ký kết hợp đồng bảo hiểm số 02401400006391 có hiệu lực từ ngày 23/12/2008, đến ngày 23/7/2019 chị Cao Thị Đ đã trực tiếp vào Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Quảng Bình làm thủ tục hủy bỏ/chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Theo quy định và cam kết của Hợp đồng, khách hàng Cao Thị Đ đã được nhận lại Giá trị giải ước là: 72.041.700 đồng(Bảy mươi hai triệu không trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm đồng). Như vậy quyền lợi của khách hàng Cao Thị Đ đã chấm dứt kể từ ngày 23/7/2019”*. Kết quả xác minh phù hợp với lời trình bày của chị Đ tại cấp sơ thẩm về việc chị Đ đã rút số tiền này. Việc chị Đ trình bày đã chi tiêu trong gia đình và cho con đi học tại Hàn Quốc là có cơ sở. Đối với số tiền đã đóng tại Công ty Prudential, qua xác minh đúng như lời trình bày của chị Đ (bốn hợp đồng đã chấm dứt hiệu lực và một hợp đồng người thụ hưởng là anh Đình Duy L (con trai anh Tr, chị Đ) đang tiếp tục thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Tr rút yêu cầu này để tiếp tục đóng tiền duy trì các hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo này. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của anh Tr đối với số tiền Bảo hiểm tại Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.

[2.3]. Về nội dung kháng cáo yêu cầu giải quyết hai chiếc xe máy, Hội Đg xét xử thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, cả anh Tr và chị Đ đều thừa nhận ở cấp sơ thẩm anh chị chưa có yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không có căn cứ để giải quyết tại cấp phúc thẩm về hai chiếc xe máy anh Tr yêu cầu. Anh chị có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để đề nghị xem xét giải quyết phần tài sản này.

Từ những nhận định trên, thấy cần bác kháng cáo của anh Tr và ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Các quyết định kháng của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí: Anh Đình Duy Quý Tr kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm; ông Đình Duy T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đình Duy Quý Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đình Duy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số

29/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Đinh Duy Quý Tr phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004237 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Minh Hóa. Miễn án phí phúc thẩm cho ông Đinh Duy T, ông T được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0004238 ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Minh Hóa. (Ông T đã được trả theo nội dung Công văn số 227/CV-CCTHADS ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về khoản án phí dân sự sơ thẩm và án phí chia tài sản theo bản án số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, anh Tr đã nộp 11.030.000 đồng (theo nội dung Công văn số 227/CV-CCTHADS ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa), số tiền còn lại anh Tr phải nộp tiếp; Chị Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004052 ngày 12/7/2019, số còn lại chị Đ phải nộp tiếp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Từ Thị Hải Dương

